Biểu 1

BIỂU TỔNG HỢP KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 XÃ NA RÌ (LẦN 3)

(Kèm theo Nghị quyết số 67/NQ-HDND ngày 16 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Na Rì)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Dự toán năm 2026							
		Tổng cộng	NSTW			Ngân sách cấp tỉnh			NS xã
			Tổng	Vốn năm 2025 chuyển sang năm 2026	Năm 2026	*Tổng*	Vốn năm 2025 chuyển sang năm 2026	Năm 2026	
1	*2*	*3=4+7+10*	*4=5+6*	*5*	*6*	*7=8+9*	*8*	*9*	*10*
	Tổng cộng	**9.665.220.000**	***6.770.889.963***	**5.529.889.963**	**1.241.000.000**	***1.193.674.305***	**353.674.305**	**840.000.000**	**1.700.655.732**
1	Hợp phần thứ nhất	7.655.220.000	***5.042.135.968***	3.831.135.968	1.211.000.000	***912.428.300***	92.428.300	820.000.000	1.700.655.732
2	Hợp phần thứ hai	2.010.000.000	***1.728.753.995***	1.698.753.995	30.000.000	***281.246.005***	261.246.005	20.000.000	-

Biểu 2

BIỂU BỔ SUNG KINH PHÍ CHI THƯỜNG XUYÊN NĂM 2026 THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI, GIẢM NGHÈO BỀN VỮNG VÀ PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI VÙNG ĐỒNG BÀO DÂN TỘC THIỂU SỐ VÀ MIỀN NÚI GIAI ĐOẠN 2026-2035, GIAI ĐOẠN I: TỪ NĂM 2026 ĐẾN NĂM 2030 XÃ NA RÌ (LẦN 3)

(Kèm theo Nghị quyết số 67/NQ-HDND ngày 16 tháng 11 năm 2026 của Hội đồng nhân dân xã Na Rì)

6.365.220.000

Đơn vị: Đồng

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Dự toán năm 2026																						Ghi chú
		Trước điều chỉnh						Điều chỉnh tăng						Điều chỉnh giảm						Sau điều chỉnh						
		Tổng cộng	Trong đó					Tổng cộng	Trong đó					Tổng cộng	Trong đó					Tổng cộng	Trong đó					
			NSTW		Ngân sách cấp tỉnh		NS xã		NSTW		Ngân sách cấp tỉnh		NS xã		NSTW		Ngân sách cấp tỉnh		NS xã		NSTW		Ngân sách cấp tỉnh		NS xã	
			Vốn năm 2025 chuyển sang năm 2026	Năm 2026	Vốn năm 2025 chuyển sang năm 2026	Năm 2026			Vốn năm 2025 chuyển sang năm 2026	Năm 2026	Vốn năm 2025 chuyển sang năm 2026	Năm 2026			Vốn năm 2025 chuyển sang năm 2026	Năm 2026	Vốn năm 2025 chuyển sang năm 2026	Năm 2026			Vốn năm 2025 chuyển sang năm 2026	Năm 2026	Vốn năm 2025 chuyển sang năm 2026	Năm 2026		
		1=2+3+4+5+6	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7=8+9+10+11+12*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13=14+15+16+17+18*	*14*	*15*	*16*	*17*	*18*	*19=20+21+22+23+24*	*20*	*21*	*22*	*23*	*24*	*25*
	Tổng	**6.365.220.000**	**2.229.889.963**	**1.241.000.000**	**353.674.305**	**840.000.000**	**1.700.655.732**	**3.300.000.000**	**3.300.000.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**9.665.220.000**	**5.529.889.963**	**1.241.000.000**	**353.674.305**	**840.000.000**	**1.700.655.732**	
A	**Hợp phần thứ nhất**	**4.355.220.000**	**531.135.968**	**1.211.000.000**	**92.428.300**	**820.000.000**	**1.700.655.732**	**3.300.000.000**	**3.300.000.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**7.655.220.000**	**3.831.135.968**	**1.211.000.000**	**92.428.300**	**820.000.000**	**1.700.655.732**	
I	**Nội dung thành phần 01: Hoàn thiện quy hoạch theo quy định bảo đảm đồng bộ, phù hợp, phát huy lợi thế vùng, miền và phát triển bền vững**	**2.324.220.000**	**531.135.968**	-	**92.428.300**	-	**1.700.655.732**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**2.324.220.000**	**531.135.968**		**92.428.300**		**1.700.655.732**	
1	Nội dung 01: Rà soát, lập, phê duyệt quy hoạch chung xã theo pháp luật về quy hoạch đô thị và nông thôn phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của xã; quy hoạch cấp tỉnh theo quy định. Ban hành quy chế quản lý kiến trúc điểm dân cư nông thôn theo pháp luật về kiến trúc	2.324.220.000	531.135.968	-	92.428.300	-	1.700.655.732	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	2.324.220.000	531.135.968	-	92.428.300	-	1.700.655.732	
	Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường	*2.324.220.000*	*531.135.968*		*92.428.300*		*1.700.655.732*							*-*						*2.324.220.000*	*531.135.968*	*-*	*92.428.300*	*-*	*1.700.655.732*	
II	**Nội dung thành phần 02: Phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội nông thôn toàn diện, đồng bộ, hiện đại, kết nối hiệu quả với đô thị và thích ứng với biến đổi khí hậu**	**280.000.000**	-	**200.000.000**	-	**80.000.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**280.000.000**	-	**200.000.000**	-	**80.000.000**	-	
1	Nội dung 09: Hiện đại hóa hệ thống truyền thanh xã để cung cấp thông tin thiết yếu đến người dân (bao gồm thiết lập mới đài truyền thanh xã; nâng cấp hoạt động của đài truyền thanh xã; mở rộng cụm thu phát thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông đối với các thôn). Tập trung, ưu tiên hỗ trợ đầu tư cho các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo	*280.000.000*	-	*200.000.000*	-	*80.000.000*	-													*280.000.000*	-	*200.000.000*	-	*80.000.000*	-	
	Phòng Văn hóa - Xã hội	*280.000.000*		*200.000.000*		*80.000.000*														*280.000.000*	-	*200.000.000*	-	*80.000.000*	-	
III	**Nội dung thành phần 03: Phát triển kinh tế nông thôn theo hướng sinh thái, hiện đại, tích hợp đa giá trị và đáp ứng nhu cầu thị trường**	-	-	-	-	-		**3.300.000.000**	**3.300.000.000**	-	-	-								**3.300.000.000**	**3.300.000.000**	-	-	-	-	
1	Nội dung 10: Xây dựng và nhân rộng các mô hình sinh kế đa dạng, mô hình hỗ trợ phát triển sản xuất hỗ trợ giảm nghèo, phù hợp với điều kiện sinh thái, văn hóa và trình độ phát triển của từng địa phương, đặc biệt tại các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo; khuyến khích ứng dụng khoa học - công nghệ, kinh tế số, kinh tế xanh và khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; bảo đảm kết nối thị trường; thí điểm cơ chế tín dụng vi mô, bảo hiểm nông nghiệp thích ứng với biến đổi khí hậu và duy trì bền vững	-	-	-	-	-	-	*3.300.000.000*	*3.300.000.000*	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	*3.300.000.000*	*3.300.000.000*	-	-	-	-	
	Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường							*3.300.000.000*	*3300000000*											*3.300.000.000*	*3.300.000.000*	-	-	-	-	
IV	**Nội dung thành phần 04: Phát triển nguồn nhân lực và hỗ trợ tạo việc làm bền vững**	**90.000.000**	-	**90.000.000**	-	-	-		-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	**90.000.000**	-	**90.000.000**	-	-	-	
1	Nội dung 04: Hỗ trợ phát triển thị trường lao động, hệ thống thông tin thị trường lao động theo hướng hiện đại, linh hoạt, đồng bộ, nhất là khu vực nông thôn, kết nối theo địa bàn cấp tỉnh, vùng và toàn quốc. Đẩy mạnh các hoạt động giao dịch việc làm, kết nối cung - cầu lao động tại chỗ, trong tỉnh và ngoài tỉnh. Hỗ trợ tạo việc làm, chuyển đổi việc làm theo hướng bền vững tại khu vực nông thôn. Tập trung, ưu tiên lao động thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo; người lao động trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo; lao động là người khuyết tật, phụ nữ và người lao động cao tuổi	50.000.000	-	50.000.000							-	-	-							50.000.000	-	50.000.000	-	-	-	
	Phòng Văn hóa - Xã hội	*50.000.000*		*50.000.000*																*50.000.000*	-	*50.000.000*	-	-	-	

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Dự toán năm 2026																						Ghi chú
		Trước điều chỉnh						Điều chỉnh tăng						Điều chỉnh giảm						Sau điều chỉnh						
			Trong đó						*Trong đó*						*Trong đó*						*Trong đó*				
			NSTW		Ngân sách cấp tỉnh				NSTW		Ngân sách cấp tỉnh				NSTW		Ngân sách cấp tỉnh				NSTW		Ngân sách cấp tỉnh		
2	Nội dung 05: Hỗ trợ người lao động cư trú trên địa bàn các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng; thuê cơ sở đào tạo và lưu trú cho ứng viên tham gia khóa đào tạo Tiếng Nhật để đi làm việc tại Nhật Bản theo Hiệp định đối tác kinh tế Việt Nam - Nhật Bản (VJEPA)	40.000.000	-	40.000.000	-	-	-				-	-	-							40.000.000	-	40.000.000	-	-	-	
	Phòng Văn hóa - Xã hội	*40.000.000*		*40.000.000*																*40.000.000*	-	*40.000.000*	-	-	-	
V	**Nội dung thành phần 05: Nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công, trợ giúp pháp lý và thúc đẩy bình đẳng giới**	**100.000.000**	-	**100.000.000**	-	-	-		-		-	-	-	-	-	-	-	-	-	**100.000.000**	-	**100.000.000**	-	-	-	
1	Nội dung 01: Đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức xã đáp ứng yêu cầu quản lý hành chính công hiện đại và phát triển nông thôn bền vững. Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn kiến thức chuyên môn, kỹ năng quản lý hành chính, quản lý kinh tế - xã hội chuyên sâu, tư duy phát triển tích hợp và đổi mới sáng tạo, phù hợp mô hình chính quyền địa phương hai cấp. Tập trung, ưu tiên cho đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức làm công tác dân tộc; các đối tượng thuộc các xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN, an toàn khu, biên giới và hải đảo	*50.000.000*	-	*50.000.000*	-	-	-				-	-	-							*50.000.000*	-	*50.000.000*	-	-	-	
	Phòng Văn hóa - Xã hội	*50.000.000*		*50.000.000*																*50.000.000*	-	*50.000.000*	-	-	-	
2	Nội dung 04: Tăng cường thực hiện lồng ghép giới trong xây dựng chính sách, chương trình về giảm nghèo, an sinh xã hội, xây dựng nông thôn mới, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN. Thúc đẩy bình đẳng giới trong công tác giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN ở địa phương. Đẩy mạnh truyền thông nhằm thay đổi định kiến giới. Tăng cường vai trò, vị thế của phụ nữ trong lãnh đạo, quản lý và phát triển cộng đồng; tổ chức triển khai các chỉ tiêu bình đẳng giới ; nâng cao nhận thức về giới trong xây dựng cộng đồng văn minh, tiến bộ	*50.000.000*	-	*50.000.000*	-	-	-	-	-		-	-	-							*50.000.000*	-	*50.000.000*	-	-	-	
	Phòng Văn hóa - Xã hội	*50.000.000*		*50.000.000*				-												*50.000.000*	-	*50.000.000*	-	-	-	
VI	**Nội dung thành phần 07: Xây dựng môi trường và cảnh quan nông thôn sáng, xanh, sạch, đẹp, an toàn và thích ứng với biến đổi khí hậu; tăng cường công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại khu vực nông thôn**	**1.228.850.000**	-	**546.850.000**	-	**682.000.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**1.228.850.000**	-	**546.850.000**	-	**682.000.000**	-	
1	Nội dung 01: Tăng cường quản lý chất thải rắn, nước thải, chất thải và phụ phẩm nông nghiệp theo hướng tuần hoàn, bền vững và thích ứng với biến đổi khí hậu; ứng dụng công nghệ xử lý chất thải hiện đại, thân thiện môi trường, giảm thiểu chôn lấp trực tiếp; phát triển mô hình tiêu dùng xanh, thân thiện môi trường, cộng đồng không rác thải nhựa và kinh tế tuần hoàn quy mô thôn, bản, cụm dân cư, hộ gia đình. Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, hộ vùng đồng bào DTTS&MN nâng cao nhận thức, tiếp cận xử lý rác thải sinh hoạt tại gia đình	*647.000.000*	-	*246.850.000*	-	*400.150.000*	-	-	-	-	-	-	-							*647.000.000*	-	*246.850.000*	-	*400.150.000*	-	
	Trung tâm Dịch vụ tổng hợp xã Na Rì	*647.000.000*		*246.850.000*		*400.150.000*		-												*647.000.000*	-	*246.850.000*	-	*400.150.000*	-	
2	Nội dung 03: Gìn giữ, cải tạo và phát triển cảnh quan môi trường nông thôn sáng - xanh - sạch - đẹp, bảo tồn không gian làng quê, cảnh quan thiên nhiên và bản sắc văn hóa địa phương. Phát triển mô hình thôn sinh thái, khu dân cư kiểu mẫu, mở rộng không gian sinh hoạt cộng đồng; trồng cây xanh, cải tạo cảnh quan gắn với cộng đồng dân cư. Phát huy vai trò tự quản của cộng đồng trong duy trì môi trường sống hài hòa, an toàn và thân thiện với thiên nhiên. Xây dựng thí điểm một số mô hình "nông nghiệp xanh"	*581.850.000*	-	*300.000.000*	-	*281.850.000*	-	-	-		-	-	-							*581.850.000*	-	*300.000.000*	-	*281.850.000*	-	
	Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường	*581.850.000*		*300.000.000*		*281.850.000*		-												*581.850.000*	-	*300.000.000*	-	*281.850.000*	-	
VII	**Nội dung thành phần 08: Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế xã hội vùng đồng bào DTTS&MN**	**108.000.000**	-	**50.000.000**	-	**58.000.000**	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	**108.000.000**	-	**50.000.000**	-	**58.000.000**	-	

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Dự toán năm 2026																						Ghi chú
		Trước điều chỉnh						Điều chỉnh tăng						Điều chỉnh giảm						Sau điều chỉnh						
			Trong đó						Trong đó						Trong đó						Trong đó					
			NSTW		Ngân sách cấp tỉnh				NSTW		Ngân sách cấp tỉnh				NSTW		Ngân sách cấp tỉnh				NSTW		Ngân sách cấp tỉnh		
1	Nội dung 01: Tuyên truyền, vận động phát huy vai trò chủ thể của người dân trong xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Triển khai hiệu quả Cuộc vận động "Toàn dân đoàn kết xây dựng NTM, đô thị văn minh"; xây dựng, nhân rộng mô hình "Khu dân cư đoàn kết, ấm no, hạnh phúc", tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về xây dựng nông thôn mới. Thực hiện công tác an sinh xã hội gắn với xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi; thực hiện chuyển đổi số trong triển khai thực hiện Chương trình. Nâng cao chất lượng công tác giám sát, phản biện xã hội trong xây dựng, triển khai thực hiện Chương trình	58.000.000	-	-	-	58.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	58.000.000	-	-	-	58.000.000	-	
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	*58.000.000*				*58.000.000*		-						-						*58.000.000*	-	-	-	*58.000.000*	-	
2	Nội dung 03: Triển khai hiệu quả Đề án "Hỗ trợ phụ nữ khởi nghiệp giai đoạn 2026-2035"; Đề án "Hỗ trợ HTX do phụ nữ tham gia quản lý, tạo việc làm cho lao động nữ đến năm 2030"; giải quyết các vấn đề xã hội liên quan đến phụ nữ và trẻ em	50.000.000	-	50.000.000	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	50.000.000	-	50.000.000	-	-	-	
	Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã	*50.000.000*		*50.000.000*				-						-						*50.000.000*	-	*50.000.000*	-	-	-	
VIII	**Nội dung thành phần 10: Nâng cao năng lực, truyền thông, giám sát, đánh giá; triển khai hiệu quả phong trào thi đua về xây dựng nông thôn mới, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN**	**224.150.000**	**-**	**224.150.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**224.150.000**	**-**	**224.150.000**	**-**	**-**	**-**	
1	Nội dung 01: Nâng cao chất lượng và hiệu quả công tác kiểm tra, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện Chương trình ở các cấp; xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý Chương trình. Rà soát, đánh giá hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm	*24.150.000*	-	*24.150.000*	-	-	-	-	-	-	-	-								*24.150.000*	-	*24.150.000*	-	-	-	
	Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường	*24.150.000*		*24.150.000*				-												*24.150.000*	-	*24.150.000*	-	-	-	
2	Nội dung 02: Xây dựng Chương trình, tài liệu và tổ chức bồi dưỡng, tập huấn, nâng cao năng lực cho đội ngũ cán bộ làm công tác xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN, đặc biệt là cán bộ cơ sở; tập huấn, nâng cao nhận thức, năng lực, đổi mới tư duy của cộng đồng và người dân về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững, phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN; tập trung, ưu tiên cho các đối tượng thuộc xã, thôn đặc biệt khó khăn, vùng đồng bào DTTS&MN	*150.000.000*	-	*150.000.000*	-	-	-	-	-	-	-	-								*150.000.000*	-	*150.000.000*	-	-	-	
	Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường	*150.000.000*		*150.000.000*				-												*150.000.000*	-	*150.000.000*	-	-	-	
3	Nội dung 03: Đổi mới và nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác truyền thông về xây dựng NTM, giảm nghèo bền vững và phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN	*50.000.000*	-	*50.000.000*	-	-	-	-	-	-	-	-								*50.000.000*	-	*50.000.000*	-	-	-	
	Phòng Văn hóa - Xã hội	*50.000.000*		*50.000.000*				-												*50.000.000*	-	*50.000.000*	-	-	-	
B	**Hợp phần thứ hai**	**2.010.000.000**	**1.698.753.995**	**30.000.000**	**261.246.005**	**20.000.000**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**2.010.000.000**	**1.698.753.995**	**30.000.000**	**261.246.005**	**20.000.000**	**-**	
I	**Nội dung thành phần 01: Đầu tư xây dựng, hoàn thiện cơ sở hạ tầng đặc thù vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi**	**1.960.000.000**	**1.698.753.995**	**-**	**261.246.005**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**1.960.000.000**	**1.698.753.995**	**-**	**261.246.005**	**-**	**-**	
1	Nội dung 06: Giải quyết những vấn đề cấp thiết vùng đồng bào DTTS&MN, bao gồm: Giải quyết tình trạng thiếu đất ở, nhà ở; quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư cho đồng bào DTTS còn di cư tự do và ở những nơi cần thiết; hỗ trợ đất ở, nhà ở cho các hộ trong diện quy hoạch, sắp xếp, bố trí ổn định dân cư	1.960.000.000	1.698.753.995	-	261.246.005	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	-	1.960.000.000	1.698.753.995	-	261.246.005	-	-	
	Phòng Văn hóa - Xã hội	*1.960.000.000*	*1.698.753.995*	-	*261.246.005*															*1.960.000.000*	*1.698.753.995*	-	*261.246.005*	-	-	
II	**Nội dung thành phần 05. Công tác truyền thông, tuyên truyền; ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS&MN**	***50.000.000***	**-**	***30.000.000***	**-**	***20.000.000***	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	**-**	***50.000.000***	**-**	***30.000.000***	**-**	***20.000.000***	**-**	

TT	Nội dung, nhiệm vụ	Dự toán năm 2026																					Ghi chú
		Trước điều chỉnh						Điều chỉnh tăng						Điều chỉnh giảm						Sau điều chỉnh						
			Trong đó						*Trong đó*						*Trong đó*						*Trong đó*				
			NSTW		Ngân sách cấp tỉnh				NSTW		Ngân sách cấp tỉnh				NSTW		Ngân sách cấp tỉnh				NSTW		Ngân sách cấp tỉnh		
1	Nội dung số 02: Phổ biến, giáo dục pháp luật và tuyên truyền, vận động đồng bào DTTS&MN. Tăng cường, nâng cao khả năng tiếp cận và thụ hưởng hoạt động trợ giúp pháp lý, hoà giải ở cơ sở, biện pháp bảo đảm, đăng ký biện pháp bảo đảm, bồi thường của Nhà nước cho vùng đồng bào DTTS&MN	50.000.000	-	30.000.000	-	20.000.000	-	-	-				-							50.000.000	-	30.000.000	-	20.000.000	-	
	Văn phòng HĐND và UBND xã	*50.000.000*		*30.000.000*		*20.000.000*		-												*50.000.000*	-	*30.000.000*	-	*20.000.000*	-	